

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2020/HC-PT

Ngày 22 - 05 - 2020

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân;

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên;

Ông Nguyễn Văn Tũ;

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 56/2020/TLPT-HC ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2019/HC-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 451/2020/QĐPT-HC ngày 27 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 (theo văn bản ủy quyền ngày 18/6/2018, có mặt).

Địa chỉ: Số 464A đường M, Phường 9, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ: Số 125, đường T, khóm 1, phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thành L, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn H, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình xây dựng Trung tâm hành chính huyện D.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn H, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình xây dựng Trung tâm hành chính huyện D (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hứa Thị L, sinh năm 1957 (chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Hứa Thị L: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1959; ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; ông Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1985; ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1997.

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984 (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1985 (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1997 (có mặt).

5. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1982 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2018 của ông Nguyễn Văn B và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Văn B trình bày:

Ngày 29 tháng 9 năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 2020/QĐ-UBND thu hồi 23.576,9m² đất thuộc thửa số 42 tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại xã Long Khánh, huyện D, tỉnh Trà Vinh của hộ ông Nguyễn Văn B; sau đó Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư công trình xây dựng trung tâm hành chính huyện D ban hành Quyết định số 33/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 18 tháng 9 năm 2017 chi trả bổ sung tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Nguyễn Văn B; do mức giá đền bù, hỗ trợ không thỏa đáng nên ông Nguyễn Văn B không đồng ý và đưa ra yêu cầu đến cơ quan có thẩm quyền xem xét nâng mức đền bù, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn B theo mức mà pháp luật quy định; việc Ủy ban nhân dân huyện D không xem xét đưa ra quyết định bồi thường, hỗ trợ thỏa đáng là xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của ông Nguyễn Văn B. Do đó, ông Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện D về việc thu hồi đất để thực hiện công trình xây dựng Trung tâm hành chính huyện D và Quyết định số 33/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư công trình xây dựng trung tâm hành chính huyện D.

Buộc Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư công trình xây dựng

Trung tâm hành chính huyện D và Ủy ban nhân dân huyện D ban hành văn bản bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Nguyễn Văn B theo quy định pháp luật.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày: Theo khoản 1 Điều 1 Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh điều chỉnh khoản 1 Điều 11 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh thì “Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp được quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014 của Chính phủ. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo từng công trình dự án”; từ đó căn cứ theo Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, ông Nguyễn Văn B yêu cầu nâng mức hỗ trợ, đào tạo, chuyển đổi nghề là không có căn cứ.

Về yêu cầu bố trí tái định cư ông Nguyễn Văn B không thuộc đối tượng bố trí tái định cư theo biên bản họp xét tái định cư ngày 11/12/2016 của Hội đồng bồi thường (hộ ông Nguyễn Văn B không bị thu hồi đất ở).

Về yêu cầu bồi thường đất theo giá thị trường: Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường thuê đơn vị tư vấn thẩm định giá đất cụ thể để tiến hành bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình xây dựng Trung tâm hành chính huyện D theo đúng quy định tại khoản 3, 4 Điều 114 Luật đất đai năm 2013. Ngày 13/12/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định số 2630/QĐ-UBND quy định giá đất cụ thể để bồi thường khi thu hồi đất. Nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình xây dựng Trung tâm hành chính huyện D, ông Ngô Thành Tr trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Thanh T, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Th trình bày: Thống nhất với ý kiến và yêu cầu của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N vắng mặt không có ý kiến.

Tại Bản án 20/2019/HC-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện D và Quyết định số 33/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư công trình xây dựng trung tâm hành chính huyện D.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông B kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn T trình bày: Quyết định 2020 không tuân thủ biểu mẫu số 10 của Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014, biểu mẫu phải ghi căn cứ thu hồi đất, căn cứ kế hoạch sử dụng đất nhưng không đưa vào biểu mẫu nên người dân không có thông tin tra cứu. Vi phạm thông báo thu hồi đất: Từ khi ban hành Thông báo thu hồi đất chưa hết thời hạn 90 ngày đã ban hành Quyết định thu hồi đất là trái quy định tại Điều 67 Luật đất đai 2013, người dân chưa có thời gian chuẩn bị. Thực tế thu hồi đất không đo vẽ diện tích đất thu hồi, chỉ có bản trích lục bản đồ địa chính số 420. Ủy ban thực hiện thu hồi chưa có phương án kế hoạch sử dụng đất. Ủy ban không thực hiện dự án tái định cư cho người dân, trong khi người dân đủ điều kiện. Quyết định 33 chi trả tiền bồi thường vi phạm: Kiểm đếm thiếu tài sản dẫn đến quyền lợi người dân không được chi trả, giao cho Hội đồng bồi thường cưỡng chế thu hồi đất là không đúng. Hội đồng bồi thường không thực hiện hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đời sống cho ông B. Trong quá trình thu hồi đất và giải quyết bồi thường Ủy ban và Hội đồng bồi thường chỉ mời ông Nguyễn Văn B là đại diện hộ mà không mời các thành viên của hộ để họ có ý kiến là ảnh hưởng đến quyền lợi của các thành viên hộ. Do hàng loạt những sai phạm trên, đề nghị hủy hai quyết định 2020/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 và Quyết định 33/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 18/9/2017 của UBND huyện D.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày: Quyết định 2020 không có ghi căn cứ kế hoạch sử dụng đất hàng năm có sai sót nhưng thực tế có căn cứ vào Quyết định 1076 của UBND tỉnh nên không làm ảnh hưởng đến nội dung quyết định. Về việc không mời họp các thành viên của hộ: Hội đồng bồi thường chỉ mời ông B do hội đồng không thể xác nhận quyền lợi là những ai nên chỉ mời chủ hộ. Về việc cho rằng dự án không lập khu tái định cư trước khi thu hồi: Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị định 47 không nhất thiết thành lập tái định cư mà UBND huyện đã có khu tái định cư của dự án trước nếu xem xét hộ nào đủ điều kiện thì đưa vào. Đối với thời hạn thu hồi đất: Ủy ban đã họp các hộ dân đồng ý thống nhất thu hồi đất sớm để người dân sớm ổn định đời sống, tại cuộc họp ông B cũng có tham gia và ký vào biên bản. Về việc người khởi kiện cho rằng không tiến hành thực hiện đo vẽ là không đúng, ông B đã ký tên vào biên bản đo đạc đo vẽ. Về hỗ trợ đời sống: Ông B được hưởng 43 triệu nhưng ông chưa nhận. Về hỗ trợ sản xuất: Ông B nuôi trồng thủy sản chứ không phải sản xuất kinh doanh nên không thuộc đối tượng bồi thường. Về kiểm kê thiếu

sót tài sản: Ủy ban bồi thường đã kiểm tra kê biên bổ sung lại và bồi thường. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Đối với yêu cầu hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định không quá 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại. Tại Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Trà Vinh quy định mức hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình khi Nhà nước thu hồi đất là 01 lần. Do đó, ông B yêu cầu mức hỗ trợ 2.5 lần là không có cơ sở xem xét. Về yêu cầu kiểm kê lại tài sản: Theo Biên bản kiểm kê và biên bản kiểm kê bổ sung ông B đã ký xác nhận và không có ý kiến gì nên yêu cầu này của ông B là không có căn cứ chấp nhận. Đối với yêu cầu bồi thường trong thời gian không sản xuất: Căn cứ vào khoản 4 Điều 67, Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013 thì ông B phải chấp hành quyết định thu hồi đất tuy nhiên hộ ông B không chấp hành quyết định thu hồi đất và chi trả tiền bồi thường nên yêu cầu này của ông B không được chấp nhận. Đối với yêu cầu xét tái định cư: Theo quy định thì việc hỗ trợ tái định cư chỉ áp dụng cho trường hợp thu hồi đất ở, trường hợp ông B là thu hồi đất nông nghiệp trồng cây lâu năm. Ngoài ra, tại Biên bản họp xét tái định cư ngày 11/12/2016 thì ông B không đủ điều kiện tái định cư. Đối với yêu cầu xác định lại giá đất theo giá bồi thường: UBND Hội đồng bồi thường áp dụng mức giá tại Quyết định 2630/QĐ-UBND để bồi thường là phù hợp nên yêu cầu áp dụng giá thị trường là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông B, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Người khởi kiện kháng cáo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hành chính nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quy định của pháp luật

[2] Về nội dung kháng cáo yêu cầu hủy các Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện D (gọi tắt là quyết định 2020) và Quyết định số 33/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư công trình xây dựng trung tâm hành chính huyện D (gọi tắt là quyết định 33):

[2.1] Về hình thức ban hành các quyết định:

+ Đối với Quyết định 2020:

Sau khi phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu Trung tâm hành chính huyện D, ngày 22/8/2016 UBND huyện D tổ chức họp dân theo đó các hộ dân thống

nhất với chủ trương của Nhà nước về quy hoạch và thu hồi đất xây dựng Trung tâm hành chính huyện D, đồng ý cho thu hồi sớm hơn thời gian quy định để người dân sớm ổn định đời sống, tại cuộc họp ông B cũng tham gia và ký vào biên bản. Do đó, đại diện người khởi kiện cho rằng từ khi ban hành Thông báo thu hồi đất chưa hết thời hạn 90 ngày đã ban hành Quyết định thu hồi đất của người dân là vi phạm Điều 67 Luật đất đai năm 2013 là không có căn cứ.

Sau đó, Ủy ban huyện D ban hành và giao nhận Thông báo số 128/TB-UBND ngày 23/8/2016 về việc thu hồi đất để ông B biết và thực hiện là đúng quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013. Trên cơ sở đó, Trung tâm kỹ thuật và tài nguyên và môi trường tỉnh Trà Vinh tiến hành đo đạc và ông B đã ký xác nhận hiện trạng thửa đất số 42 có diện tích thực tế là 23.557,9m². Đại diện người khởi kiện cho rằng Ủy ban không tiến hành đo đạc thực tế mà căn cứ vào trích lục bản đồ địa chính số 420 là không đúng.

Do ông B đồng ý thu hồi đất sớm nên ngày 29/9/2016 UBND huyện D ban hành Quyết định 2020 về việc thu hồi đất của ông B. Tại quyết định 2020 không ghi căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất hằng năm là không đúng theo quy định tại mẫu số 10 của Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường nhưng sai sót này nhưng không ảnh hưởng đến nội dung của quyết định.

+ Đối với Quyết định số 33:

Sau khi có Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Ủy ban nhân dân huyện D, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình xây dựng Trung tâm hành chính huyện D đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ có đất bị thu hồi biết, trong đó có hộ của ông Nguyễn Văn B; từ đó Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình xây dựng Trung tâm hành chính huyện D ban hành Quyết định chi trả tiền bồi thường cho hộ ông Nguyễn Văn B là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Xét nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Về nội dung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: Theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm không quá 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương... và mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ điều kiện thực tế của địa phương; căn cứ vào đó Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, tại khoản 1 Điều 11 quy định "...mức hỗ trợ bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại đất với đất bị thu hồi", tuy nhiên do tình hình thực tế của địa phương nên ngày 04/01/2016 Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND điều chỉnh khoản 1 Điều 11 Quyết định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu

hồi đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh kèm theo Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 quy định "...mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo từng công trình, dự án nhưng không vượt quá quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ". Đối với Công trình xây dựng Trung tâm hành chính huyện D, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh có Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 quy định "Hỗ trợ bằng tiền bằng 01 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh...", căn cứ vào đó Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình xây dựng Trung tâm hành chính huyện D áp mức hỗ trợ 01 lần là phù hợp theo quy định.

Về nội dung hỗ trợ tái định cư: Căn cứ vào biên bản họp xét tái định cư ngày 11/12/2016 thì hộ ông Nguyễn Văn B không đủ điều kiện tái định cư và cũng không thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định chỗ ở mới theo quy định tại điểm 2.3 khoản 2 Điều 1 Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, nên yêu cầu hỗ trợ suất tái định cư của ông Nguyễn Văn B là không có căn cứ.

Về nội dung yêu cầu kiểm kê lại tài sản: Theo biên bản kiểm kê ngày 08/9/2016, biên bản kiểm kê bổ sung ngày 06/10/2016, biên bản kiểm kê bổ sung ngày 17/4/2017 ông Nguyễn Văn B và bà Hứa Thị Lan (vợ ông Nguyễn Văn B) đã ký tên xác nhận các vật kiến trúc và tài sản đã kiểm kê và cũng không có ý kiến gì đối với các tài sản được ghi nhận trong biên bản nên yêu cầu này của ông Nguyễn Văn B là không có cơ sở.

Về nội dung yêu cầu định giá đất theo giá thị trường: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của ông B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nội dung yêu cầu bồi thường thiệt hại do không sản xuất: Theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013, khi có thông báo thu hồi đất thì người có đất bị thu hồi có trách nhiệm phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc kiểm đếm và bàn giao đất, tuy nhiên hộ ông Nguyễn Văn B không chấp hành quyết định thu hồi đất và chi trả tiền bồi thường mặc dù đã được thông báo và vận động nhiều lần nên yêu cầu này của ông Nguyễn Văn B là không có cơ sở.

Từ những phân tích trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu khởi hủy Quyết định 2020 và quyết định 33 là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do ông B là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính số 20/2019/HC-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh như sau:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện D và Quyết định số 33/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư công trình xây dựng trung tâm hành chính huyện D.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn B được miễn án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả cho ông Nguyễn Văn B 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0019439 ngày 02/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

II. Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn B được miễn án phí

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP. (20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Huyền Vân